UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46 /2010/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 21 tháng 12 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Đính chính bảng giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 10/5/2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ vè việc quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 170/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1942/TTr-STC ngày 10/12/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính bảng giá tối thiểu để tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã ban hành tại Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

(Có bảng giá chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục Trưởng Cục Thuế, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan; các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có hoạt động khai thác tài nguyên thuộc đối tượng nộp thuế tài nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- TT HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Chi cục Thuế cấp huyện;
- TT Thông tin tỉnh TN;
- Lưu: VT, KTTH, TNMT; (VN/T12/37/35b).

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Bắc

PHỤ BIỂU

Đính chính Bảng giá tối thiểu để tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số 46/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Đã ban hành tại mục IV phụ biểu kèm theo Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của UBND tỉnh là:

STT	Nhóm, loại tài nguyên	ĐVT	Mức giá *(1.000 đồng)*
IV	**Nước khoáng, nước thiên nhiên**		
	- Nước khoáng thiên nhiên	m^3	1.500
	- Nước tinh khiết đóng chai, đóng hộp	m^3	600
	- Nước dùng cho sản xuất nước sạch	m^3	400
	- Nước thiên nhiên sử dụng chung cho phục vụ (vệ sinh công nghiệp, làm mát...)	"	100

2. Đính chính lại như sau:

STT	Nhóm, loại tài nguyên	ĐVT	Mức giá *(1.000 đồng)*
IV	**Nước khoáng, nước thiên nhiên**		
	- Nước khoáng thiên nhiên	1.000 m^3	25.000
	- Nước tinh khiết đóng chai, đóng hộp	1.000 m^3	15.000
	- Nước dùng cho sản xuất nước sạch	1.000 m^3	400
	- Nước thiên nhiên sử dụng chung cho phục vụ (vệ sinh công nghiệp, làm mát...)	1.000 m^3	100